

***Sindechites* Oliv. – CHI BỔ SUNG CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

TRẦN THÊ BÁCH, ĐỖ VĂN HÀI, BÙI HỒNG QUANG,  
VŨ TIẾN CHÍNH, ĐOÀN HOÀNG SƠN, TRẦN ĐỨC BÌNH,  
THIỆU THỊ HUYỀN TRANG, HÀ THỊ DUNG, LÊ BÁ DUY

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**PHẠM QUỲNH ANH**

*Trường Đại học Tây Bắc*

**BÙI THU HÀ, MA THỊ MAI LOAN**

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**HÀ MINH TÂM**

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**SANGMI EUM**

*Viện Nghiên cứu Sinh học và Công nghệ Sinh học Hàn Quốc*

Họ Trúc đào (Apocynaceae s. str.) có khoảng 200 chi và gần 2000 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, rất hiếm khi ở vùng ôn đới. Theo Trần Đình Lý (2005), Việt Nam có 48 chi nhưng chưa đề cập đến chi *Sindechites*. Chi *Sindechites* với loài *Sindechites chinensis* (Merr.) Markgr. & Tsiang mới được chúng tôi phát hiện gần đây trong quá trình nghiên cứu tiêu bản tại Phòng tiêu bản thực vật (HN), Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, đây là chi bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đối tượng nghiên cứu là các tiêu bản chi *Sindechites* có ở Việt Nam được lưu giữ tại Phòng tiêu bản thực vật (HN), Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Phương pháp hình thái so sánh được áp dụng trong nghiên cứu này, đây là phương pháp truyền thống trong nghiên cứu thực vật.

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

***SINDECHITES* Oliv. – GIẢ NGÂN ĐÀO**

Oliv., 1888. Hooker's Icon. Pl. 18: t. 1772; P. T. Li & al. 1995. Fl. China 16: 187.

Cây gỗ leo, nhựa mù trắng. Lá mọc đối. Cụm hoa xim ở tận cùng và nách lá, mang ít đến nhiều hoa. Hoa nhỏ. Mặt trong đài có tuyến. Tràng màu trắng, rộng ra ở họng tràng và giữa ống tràng; thùy tràng ngắn hơn ống tràng, phủ nhau phải. Nhị dính ở trên phần giữa của ống tràng, không thò; chỉ nhị ngắn; bao phấn hình tên, chụm lại và dính với đầu nhụy, có lông ở đỉnh; đĩa mặt lớn, nạc, nguyên hay phân thùy, ngắn hơn hay bằng bầu. Bộ nhụy gồm 2 lá noãn; vòi dài; núm nhụy có 2 khe; noãn nhiều. Quả gồm 2 đại, hình trụ hẹp. Hạt có mào lông ở đỉnh.

Có 2 loài, phân bố ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Việt Nam. Chi này phân biệt với các chi khác của họ Trúc đào (Apocynaceae) bởi các đặc điểm: "cây leo, không gai, thùy tràng phủ nhau phải, nhị không thò ra, bao phấn có lông ở đỉnh, ống tràng dài 5-15 mm và gấp 3-8,7 lần lá đài".

Chi này gần gũi với *Epigynum*, nhưng khác *Epigynum* bởi đỉnh bao phấn có lông; trong khi *Epigynum* có đỉnh bao phấn nhẵn. Chi này cũng gần gũi với *Cleghornia*, nhưng khác *Cleghornia* bởi ống tràng dài 5-15 mm và gấp 3-8,7 lần lá đài; trong khi *Cleghornia* có ống tràng dài 1,6-2,5 mm và gấp 1,3-2,3 lần lá đài.

Việt Nam có 1 loài *Sindechites chinensis* (Merr.) Markgr. & Tsiang.

***Sindechites chinensis* (Merr.) Markgr. & Tsiang – Giả ngân đào**

Markgr. & Tsiang, 1936. *Sunyatsenia* 3: 152; P. T. Li & al. 1995. *Fl. China* 16: 187.

Tên đồng nghĩa: *Epigynum chinense* Merr., 1923. *Philip. Journ. Sci.* 23: 262; *Cleghornia chinensis* (Merr.) P.T. Li, 1984. *Guihaia* 4(3): 192.

Dây gỗ leo, dài đến 6 m; cành màu nâu, nhẵn hay có lông khi non. Phiến lá mỏng hoặc dạng giấy khi khô, hình trứng hẹp đến hình trứng, màu xanh đậm ở mặt trên, màu xanh nhạt ở mặt dưới; chiều dài gấp 2-3 lần chiều rộng, cỡ 3,5-9 x 2-4,5 cm; nhọn hay tù ở đỉnh; tròn và xiên tại góc; 3-6 cặp gân bên, cặp gân bên đầu tiên cong lên mép đến một nửa phiến lá; cuống lá dài 2-4 mm, có lông, giữa gốc của cặp lá có vảy nhỏ (như tuyến). Cụm hoa xim, ở tận cùng và nách lá, cao 3,5-5 cm, rộng 2-4 cm, mang ít đến nhiều hoa; cuống cụm hoa dài mang các nhánh ngắn, dài 1-2,5 cm, nhẵn. Cuống hoa nhẵn hay có lông, dài 4-6 mm. Lá bắc hình dải, dài đến 3 mm. Lá dài hình tam giác hay trứng rộng, cỡ 1,5-2 x 1-1,5 mm, nhẵn 2 mặt, có lông ở mép. Trạng màu trắng, mặt ngoài có lông trên thùy trắng, mặt bên trong có lông rậm ở họng trắng; ống trắng dài gấp 6-8,7 lần lá đài, dài gấp 4,4-6 lần thùy trắng, cỡ 9-15 x 1,2-2,5 mm, hình trụ, hơi rộng ra ở phần giữa nơi nhụ gắn vào; thùy trắng hình trứng rộng đến gần hình tròn, cỡ 2-3,5-1,5-4 mm, phủ nhau phải. Nhụ đỉnh ở phần giữa của ống trắng, có túm lông ở phía đỉnh; chi nhụ dạng sợi, rất ngắn, cỡ 0,3 x 0,2 mm; bao phấn hình trứng hay bầu dục, cỡ 1,5-1,8 x 0,6 mm, ở phần trên có phần hữu thụ cao khoảng 1 mm, phần hình tên ở gốc với 2 mũi dài 0,3-0,5 mm, dính với đầu nhụy. Bộ nhụy gồm 2 lá noãn, nhẵn, cao 7,3-7,8 mm; bầu hình trứng hoặc hình trứng rộng, cỡ 1 x 1 mm; đĩa mật chia 2 phần, cao bằng bầu; vòi nhụy dài, cỡ 5-5,5 x 0,1 mm; có khoảng 25 noãn trong mỗi lá noãn. Quả gồm 2 đại mảnh dính nhau tại gốc, các đại không bằng nhau ở mỗi cặp, cỡ 3,5-16 x 0,3-0,5 cm, nhẵn, có mũi nhọn ở đỉnh. Hạt màu nâu tối, dẹt, hình dài - thuôn, cỡ 1-1,5 x 0,2-0,25 cm, nhẵn; mào lông màu trắng, dài 2-3 cm.

**Loc. class.:** "Hainan: Yik Tsok Mau, Ng Chi Leng & Nor Tai Shee, 18 May 1922".  
**Lectotypus:** McClure 9710 (A; isolecotypus: A, BM, E, G, K, MO, NY, P, PNH, UC, US, Z).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa tháng 3-8, quả tháng 6-12. Sống ở rừng khô hay ẩm, ở độ cao từ thấp đến trung bình.

**Phân bố:** Sơn La (Phù Yên, Mường Do). Còn có ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** Sơn La (Phù Yên, Mường Do), 1/8/2009, VN 2094 (HN).

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 106.11-2012.37 và dự án "Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam".

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Lý, 2005. Họ Trúc đào – Apocynaceae. Thực vật chí Việt Nam 5. Nxb. KHKT.
2. Phạm Hoàng Hộ, 1993. Cây cỏ Việt Nam, Montréal, 2(2): 856-908.
3. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2: 683-724.
4. Li, P. T., A. J. M. Leeuwenberg, D. J. & Middleton, 1995. Apocynaceae, in Wu, S. Y. et Raven, P. H.: *Flora of China*, 16: 143-188. Science Press, Beijing, China et Missouri Botanical Garden, St. Louis, United States.
5. Xu Zhaoran, 1988. A revision of *Cleghornia* Wight, *Sindechites* Oliv. and *Epigynum chinense* Merr. (Apocynaceae). Agricultural University Wageningen.



**Hình 1:** *Sindechites chinensis* (Merr.) Markgr. & Tsiang – Giã ngân đảo  
1. cành mang hoa; 2. cụm hoa (ảnh: Đào Đình Cường)

**GENUS *Sindechites* Oliv. - A NEW RECORD  
FOR FLORA OF VIETNAM**

**TRAN THE BACH, DO VAN HAI, BUI HONG QUANG  
VU TIEN CHINH, DOAN HOANG SON, TRAN DUC BINH,  
THIEU THI HUYEN TRANG, HA THI DUNG, LE BA DUY  
PHAM QUYNH ANH, BUI THU HA, MA THI MAI LOAN  
HA MINH TAM, SANGMI EUM**

**SUMMARY**

Present paper is a new report to the distribution of genus *Sindechites* in Vietnam. Genus *Sindechites* is distinguished from other genera of Apocynaceae by having climbing habit, unarmed, corolla lobes overlapping to right, stamens included and anther apex with hairs. It is closely related to the genus *Epigynum*, from which it differs mainly by anther apex with hairs.

The genus comprises only 2 species distributed in China, Laos, Thailand and Vietnam. The species *S. chinensis* (Merr.) Markgraf & Tsiang was found growing in Son La (Phu Yen: Muong Do). The voucher specimens are preserved in HN herbarium.